

Số: ~~2617~~/BGDDĐT-NGCBQLGD
V/v tổ chức thi thăng hạng CDNN
giảng viên chính (hạng II) năm 2019

Hà Nội, ngày ~~17~~ tháng 6 năm 2019

Kính gửi: Các cơ sở giáo dục đại học công lập, trường cao đẳng sư phạm
trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức (Thông tư số 12/2012/TT-BNV); Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (Thông tư số 03/2019/TT-BNV); Công văn số 2307/BNV-CCVC ngày 24/05/2019 của Bộ Nội vụ về việc tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) năm 2019 đối với các trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể như sau:

1. Đối tượng dự thi

Viên chức giảng dạy có chức danh nghề nghiệp (CDNN) giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03 có nguyện vọng dự thi, đang công tác tại các cơ sở giáo dục đại học (GDĐH) công lập, trường cao đẳng sư phạm và viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng¹ (sau đây gọi chung là cơ sở GDĐH).

2. Điều kiện đăng ký dự thi

Viên chức được cử đi dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) khi có đủ các điều kiện sau:

¹ Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng được quy định tại Khoản 4 Điều 20 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức bao gồm: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính Quốc gia, Trường Chính trị các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

2.1. Cơ sở GDĐH có nhu cầu và được cấp có thẩm quyền cử đi dự thi.

2.2. Đang giữ CDNN giảng viên (hạng III), mã số V.07.01.03.

2.3. Được thủ trưởng cơ sở GDĐH đánh giá có đủ phẩm chất, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian 03 (ba) năm liên tục tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ dự thi; không trong thời gian bị thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật.

2.4. Có đủ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II) theo quy định tại Điều 5 Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28/11/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập. Ngoài ra, đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng phải có trình độ trung cấp lý luận chính trị trở lên theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 13 Thông tư số 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

3. Nội dung, hình thức và thời gian thi

Viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp giảng viên chính phải dự thi đủ các bài thi sau:

3.1. Bài thi kiến thức chung

a) Nội dung thi: Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước về giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục đại học nói riêng; Xu hướng quốc tế, chiến lược, chính sách phát triển giáo dục đại học của Việt Nam; Các chính sách và quản lý nhà nước về giáo dục đại học; Vấn đề đổi mới quản lý giáo dục đại học và quản trị nhà trường; Quan điểm, định hướng chiến lược phát triển các ngành hoặc chuyên ngành đào tạo của nhà trường; Pháp luật về viên chức phù hợp với tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II). Dung lượng kiến thức của đề thi và nội dung thi về lĩnh vực giáo dục và đào tạo là 70%, về pháp luật viên chức là 30%.

b) Hình thức thi: Tự luận.

c) Thời gian thi: 180 phút.

3.2. Bài thi kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nội dung thi: Viên chức dự thi trình bày báo cáo tổng quan về kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học của viên chức từ khi được bổ nhiệm vào chức danh đang giữ cho đến thời điểm đăng ký dự thi thăng hạng, trao đổi các vấn đề về chuyên môn thuộc lĩnh vực đảm nhiệm.

- b) Hình thức thi: Thuyết trình và phỏng vấn trực tiếp.
- c) Thời gian thi thuyết trình và phỏng vấn: 30 phút/người.

3.3. Bài thi ngoại ngữ

a) Nội dung thi: Các kỹ năng đọc hiểu, viết ở trình độ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II), do viên chức đăng ký một trong các ngoại ngữ: Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

Trường hợp là giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì phải thi ngoại ngữ thứ hai ở trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

- b) Hình thức thi: Viết.
- c) Thời gian thi: Viết 90 phút.

3.4. Bài thi tin học

a) Nội dung thi: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên chính (hạng II).

- b) Hình thức thi: Trắc nghiệm trên máy tính.
- c) Thời gian thi: 45 phút.

4. Miễn thi ngoại ngữ trong kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II)

4.1. Miễn thi ngoại ngữ đối với viên chức thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Đã học tập, nghiên cứu toàn thời gian ở nước ngoài và được cấp bằng đại học, bằng thạc sĩ hoặc bằng tiến sĩ của cơ sở đào tạo nước ngoài sử dụng một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc trong đào tạo; văn bằng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận theo quy định hiện hành.

b) Đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ hai là bằng ngoại ngữ thuộc một trong các ngôn ngữ Anh, Nga, Pháp, Đức, Trung Quốc.

c) Đã có chứng chỉ ngoại ngữ Bậc 3 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu) hoặc có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế TOEFL PBT 450 điểm, TOEFL CBT 133 điểm, TOEFL PBT iBT 45 điểm, IELTS 4.5 trở lên. Các chứng chỉ ngoại ngữ nói trên còn trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến hết ngày 30/7/2019.

4.2. Đối với giảng viên chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài thì các quy định miễn thi ngoại ngữ tại mục 4.1 phải là ngôn ngữ khác với chuyên ngành ngôn ngữ nước ngoài đang giảng dạy.

5. Miễn thi tin học trong kỳ thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II)

Miễn thi tin học đối với viên chức đã tốt nghiệp từ trung cấp chuyên ngành tin học hoặc công nghệ thông tin trở lên.

6. Hồ sơ đăng ký dự thi

6.1. Hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) bao gồm:

a) Đơn đăng ký dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ Giảng viên (hạng III) lên Giảng viên chính (hạng II) (*theo mẫu số 1 đính kèm*).

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức, có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức (*theo mẫu số 2 đính kèm*).

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý (*theo mẫu số 3 đính kèm*).

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của CDNN giảng viên chính (hạng II) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực, bao gồm:

- Bằng thạc sĩ trở lên phù hợp với vị trí việc làm, chuyên ngành giảng dạy;
- Bằng trung cấp lý luận chính trị trở lên (đối với viên chức giảng dạy trong các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng);
- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên;
- Chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên chính (hạng II).

đ) Quyết định bổ nhiệm giảng viên (hạng III), mã số: V.07.01.03 và quyết định bổ nhiệm chức danh tương đương (nếu có).

e) Bản kê khai các công trình nghiên cứu khoa học, bài báo khoa học và biên soạn sách phục vụ đào tạo có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị quản lý kèm theo các minh chứng:

- Bản sao quyết định hoặc hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Biên bản nghiệm thu hoặc quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

- Bản sao bài báo khoa học đã công bố, sách phục vụ đào tạo đã được thẩm định và nghiệm thu theo quy định.

- Giấy xác nhận mục đích sử dụng sách phục vụ đào tạo của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học.

Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, quyết định, hợp đồng phải được chứng thực hoặc công chứng theo quy định của pháp luật. Đối với bằng do cơ sở

giáo dục nước ngoài cấp phải được Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục (nay là Cục Quản lý chất lượng) thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận theo quy định hiện hành. Đối với trường hợp được cử đi học nước ngoài theo đề án, thỏa thuận hợp tác của Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể thay thế Bản sao công nhận văn bằng bởi Bản sao quyết định cử đi học của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.2. Hình thức, quy cách bộ hồ sơ đăng ký dự thi:

Bộ hồ sơ đăng ký dự thi thăng hạng CDNN giảng viên chính (hạng II) của ứng viên được quy định như sau:

a) Ứng viên chuẩn bị 01 bộ hồ sơ được in, chụp trên giấy A4, đóng bìa, có mục lục và đánh số trang;

b) Bộ hồ sơ được đóng thành một tập, gồm các tài liệu và được sắp xếp theo thứ tự; các bài báo khoa học và sách phục vụ đào tạo được sắp xếp theo từng loại công trình và theo thứ tự thời gian.

c) Ứng viên chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính pháp lý, sự chuẩn xác của hồ sơ và các văn bản sao chụp. Khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu, ứng viên có trách nhiệm cung cấp bản chính hoặc tài liệu gốc để đối chiếu.

d) Các công trình khoa học của cơ quan, tổ chức hoặc công dân có liên quan đến nội dung bí mật nhà nước, bí mật thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh phải được bảo vệ theo quy định của pháp luật và thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

7. Thủ tục và trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học và viên chức dự thi thăng hạng

7.1. Các cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm thông báo công khai trong đơn vị thuộc phạm vi quản lý về văn bản hướng dẫn tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp từ giảng viên (hạng III) lên giảng viên chính (hạng II) năm 2019 để mọi viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký dự thi.

7.2. Viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định đều có quyền đăng ký dự thi và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký dự thi.

7.3. Cơ quan, đơn vị cử viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức được cử tham dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Lưu giữ và quản lý hồ sơ đăng ký của viên chức dự thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

7.4. Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) của các cơ sở giáo dục đại học gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo phải do người đứng đầu

hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan quản lý viên chức ký, kèm theo danh sách viên chức có đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi (theo mẫu số 4 đính kèm).

8. Dự kiến thời gian và địa điểm tổ chức kỳ thi

Kỳ thi thăng hạng giảng viên chính (hạng II) dự kiến tổ chức vào quý IV năm 2019 tại 3 miền Bắc, Trung, Nam.

Văn bản cử viên chức dự thi thăng hạng của các cơ sở giáo dục đại học trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/7/2019 (theo dấu bưu điện nơi gửi) theo địa chỉ: Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo, số 35 Đại Cồ Việt, Hai Bà Trưng, Hà Nội; điện thoại: 024.3869.5144 (133)/0989.794.879.

Đề nghị Quý Đơn vị gửi bản mềm dưới dạng file *.xls với phông chữ Times New Roman qua địa chỉ email: ptsbang@moet.gov.vn. Quá thời hạn nêu trên cơ quan, đơn vị nào không gửi văn bản coi như không có nhu cầu dự thi thăng hạng giảng viên cao cấp năm 2019.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị phản ánh về Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý giáo dục) để nghiên cứu, giải quyết ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, NGCBQLGD(5b).

KT. BỘ TRƯỞNG
TRƯỞNG



Lê Hải An